

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST;

Ngày: 07-5-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Chiêu

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Tuấn Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tuấn Tr cưới nhau năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh Tr ham chơi không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, anh Tr đi làm không phụ tiền lo cho gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn Tr.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/10/2016, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Tuấn Tr mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tr vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng T về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung, về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn Tr, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Văn Tuấn Tr đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Tr.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Huỳnh Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn Tuấn Tr cưới nhau năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh Tr với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Tr ham chơi không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, anh Tr đi làm không phụ tiền lo cho gia đình, chị T và anh Tr đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh Tr, phía anh Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh Tr không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Tr không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/10/2016 của chị T là có cơ sở vì cháu B đang sống với chị T đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh Tr không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu B và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh Tr đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T, giao cháu Bảo cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở một phần vì anh Tr người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật, phía chị T không chứng minh được thu nhập hàng tháng của anh Tr nhưng căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của cháu B và căn cứ theo mức lương tối thiểu hiện nay. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 745.000 đồng.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng T.

Về tình cảm: Chị Huỳnh Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn Tr.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Hồng T nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, lao động được.

Buộc anh Nguyễn Văn Tuấn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/10/2016 mỗi tháng 745.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn Tuấn Tr không chịu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Tr còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Văn Tuấn Tr được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0017187 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Văn Tuấn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA